TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/ HNGĐ-ST.
Ngày: 20-7-2018.
V/v: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phong**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Hiếu**
2. Bà **Trần Thanh Phương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Trúc -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:* Ông **Đặng Hoàng Thanh -** Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 272/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1972
Địa chỉ: Khu C, ấp P, xã Đ1, huyện N, tỉnh Đ.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1964
Địa chỉ: Khu C, ấp P, xã Đ1, huyện N, tỉnh Đ.

(Bà H có mặt, ông H1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/5/2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh H1 yêu thương, cưới nhau từ năm 1996 nhưng đến năm 2013 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện N, tỉnh Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H1 có người phụ nữ khác ở ngoài, bà H không có chứng cứ nào chứng minh về việc ông H1 ngoại tình, nhưng bà biết hiện nay

ông H1 đang sống với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Đến năm 2017, ông H1 đã dọn ra ngoài để sống, còn bà và các con vẫn sống tại căn nhà chung của vợ chồng. Bà H xác định đây chính là thời gian ly thân của vợ chồng, không có bàn bạc đoàn tụ. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông H1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Bà và ông H1 chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H2, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Huỳnh N1, sinh năm 2002. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà H xin nuôi cháu N1, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu H2 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay bà H đang làm công nhân tại công ty Đất Mới ALC ở quận 2, thu nhập hàng tháng 5.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H1 theo biên bản ghi lời khai ngày 23/5/2018 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và hoàn cảnh kết hôn như bà H trình bày là đúng. Ông và bà H yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và bà H lấy quần áo đi khỏi nhà và cắt liên lạc với ông. Ông và bà H ly thân nhau từ năm 2017, nay bà H xin ly hôn ông đồng ý.

- Về con chung: ông và bà H chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H2, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 11/01/2002. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà H xin nuôi cháu N1, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con, ông đồng ý theo yêu cầu của bà H.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H1.

Về con chung công nhận thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Huỳnh N1, sinh năm 2002 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Minh H1, các đương sự đều cư trú tại tại huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Minh H1, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H1.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Minh H1 và bà Lê Thị H yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện N, tỉnh Đ ngày 25/11/2013 (giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85, quyển 01/2013) nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà H nộp đơn xin ly hôn ông H1, ông H1 đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà H và ông H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56; 58 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H2, sinh năm 1999 (đã thành niên) và cháu Nguyễn Huỳnh N1, sinh ngày 11/01/2002, bà H xin nuôi con chung là cháu N1, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con, ông H1 đồng ý. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai cháu Nguyễn Huỳnh N1 và cháu N1 cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên Hội đồng xét xử công nhận việc thỏa thuận giữa bà H và ông H1 về việc giao cháu Nguyễn Huỳnh N1 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81; 82 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 Điều 81; 82; 83; 84; 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H1.

Về con chung: xử giao con chung là Nguyễn Huỳnh N1, sinh ngày 11/01/2002, cho bà Lê Thị H được quyền nuôi dưỡng, tạm thời ông Nguyễn Minh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh H1 vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông H1 được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của 01 hoặc cả 02 bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí: bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 003631 ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự bà Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Minh H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :
- CCTHADS H. N;
- VKSND H. N;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Phong